

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí quản lý hành chính Ban điều hành CTMT quốc gia Nước sạch và VSMT nông thôn năm 2014

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/01/2013 của liên Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho Chương trình MTQG Nước sạch và VSMT nông thôn giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn CTMT QG nước sạch và VSMT nông thôn năm 2014;

Xét đề nghị của Trung tâm Nước sinh hoạt & VSMTNT tại Công văn số 99/TTN-HCTH ngày 31/7/2014 về việc phê duyệt chi phí quản lý hành chính của Ban điều hành Chương trình MTQG Nước sạch và VSMT nông thôn; của Trưởng phòng KHTC,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí quản lý hành chính Ban điều hành CTMT quốc gia Nước sạch và VSMT nông thôn năm 2014 cho Trung tâm Nước sinh hoạt & VSMTNT như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào dự toán được phê duyệt, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị: Trung tâm NSH & VSMTNT, phòng Kế hoạch - Tài chính Sở và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Sở Tài chính, KBNN tỉnh;
 - Lưu: KHTC, VT.
- * **Bản điện tử:**
- Giám đốc và PGĐ Vũ Đình Phụng.



Vũ Đình Phụng

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH BAN ĐIỀU HÀNH
CHƯƠNG TRÌNH MTQG NƯỚC SẠCH VÀ VSMTNT NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định số: 519/QĐ-SNN ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Sở NN & PTNT)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kinh phí NSNN hỗ trợ	Ghi chú
1	Văn phòng phẩm:	1.110.000	
	- Giấy in (3 tháng x 275.000đồng/tháng)	825.000	
	- Mực photô (01 hộp)	285.000	
2	Thanh toán dịch vụ công cộng:	8.700.000	
	- Tiền điện sinh hoạt (3 tháng x 2.000.000đồng/tháng)	6.000.000	
	- Tiền điện thoại (3 tháng x 650.000đồng/tháng)	1.950.000	
	- Tiền nước sinh hoạt (3 tháng x 250.000đồng/tháng)	750.000	
3	Hợp giao ban trực tuyến về Chương trình	6.560.000	
4	Hội nghị tổng kết	3.830.000	
	- Thuê hội trường	2.500.000	
	- Phòng chữ	370.000	
	- Nước uống (48 người x 20.000đồng/người/ngày)	960.000	
5	Chi tiền thuê xe, xăng xe, dầu xe đi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo	14.800.000	
	Tổng cộng	35.000.000	

(Số tiền bằng chữ: Ba mươi năm triệu đồng chẵn)./.